Biểu mẫu 18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA SƯ PHẠM**

**BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐẶC THÙ**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2023 - 2024**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| **I. ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON –KHOÁ 65** | | | | | |
|  | Tiếng Việt | Cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại, thiết thực về bản chất, chức năng của hệ thống Tiếng Việt hiện đại, bao gồm các nội dung về Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp tiếng Việt và Phong cách học tiếng Việt. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Tin học | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm về thông tin, xử lý thông tin; Hệ điều hành Windows; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản Word; Sử dụng thành thạo bảng tính Excel giải quyết các bài toán. Thông qua các bài lý thuyết và thực hành sinh viên nắm chắc và thấy rõ sự cần thiết của công nghệ thông tin trong cuộc sống | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Nghệ thuật tạo hình | Giúp sinh viên tiếp cận, làm quen với các loại hình nghệ thuật tạo hình nói chung, hiểu và nắm bắt cụ thể kiến thức cơ bản của các nội dung như: luật xa gần, tỷ lệ người, vẽ theo mẫu, trang trí, vẽ, cắt xé dán tranh, nặn tạo dáng. Phân tích một số tác phẩm mỹ thuật và tranh dân gian Việt Nam nhằm làm cơ sở cho việc hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ. Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng vẽ cơ bản về vẽ theo mẫu, trang trí cơ bản, ứng dung, trang trí ở nhóm trẻ và lớp mẫu giáo, vẽ tranh theo đề tài, tranh xé-cắt-dán, kỹ năng nặn hình khối cơ bản và mẫu vật đơn giản. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Tâm lý học đại cương | Giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý; những phạm trù: Tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các hoạt động tâm lý cơ bản. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Toán cơ sở | Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ, số tự nhiên và các tính chất tương ứng. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Tiếng Anh 1/Tiếng Việt 1 (Dành cho sinh viên Lào) | 1) Kết thúc học phần Tiếng Anh 1, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như từ vựng,  ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiền B1 (theo Khung tham chiếu Châu Âu) với các chủ đề thường gặp trong đời sống hằng ngày của sinh viên như: giới thiệu thông tin về cá nhân, học tập, các loại sách, nghiên cứu, thói quen hằng ngày, nghề nghiệp và các kỳ nghỉ đặc biệt.  2) Một số kiến thức tiếng Việt cơ bản tổng quát, giúp sinh viên rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Môn học này là nền tảng để học lên Tiếng Việt 2. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trắc nghiệm) |
|  | Âm nhạc 1 | Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Kiến thức nhạc lý bao gồm: cao độ, trường độ, tên nốt, tiết nhịp, cung quãng, các ký hiệu âm nhạc thường có trong bản nhạc; Xướng âm và hát các bài hát trong chương trình theo chủ đề. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | *Giáo dục thể chất 1 (1TC)* | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và phát triển Thể dục thể thao; mục đích, nhiệm vụ của giáo dục thể chất trong các trường đại học và cao đẳng; cơ sở khoa học của giáo dục thể chất. Hình thành ở sinh viên những kiến thức chung về môn bóng chuyền, kỹ năng thực hiện các kỹ thuật thi đấu bóng chuyền cơ bản. Trang bị cho sinh viên những điều luật cơ bản của môn bóng chuyền. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Triết học Mác - Lênin | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trắc nghiệm) |
|  | Giáo dục học đại cương | Những vấn đề cơ bản, đại cương về giáo dục học: Đối tượng, nhiệm vụ, phư­ơng pháp nghiên cứu và các phạm trù cơ bản của giáo dục học; Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Mục đích, mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân và người giáo viên mầm non | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Tâm lý học trẻ em 1 | Trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận chung về tâm lý học trẻ em và những đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em từ lọt lòng đến 3 tuổi. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Âm nhạc 2 | Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Kiến thức và kỹ năng hát và đàn | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Tiếng Anh 2/ Tiếng Việt 2 (Dành cho sinh viên Lào) | 1) Kết thúc học phần Tiếng Anh 2,  sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ  tiền B1 với các chủ đề, chủ điểm như:  gia đình và những người thân yêu, đi du lịch, thành thị và nông thôn, mua sắm.  2) Một số kiến thức tổng quát cơ bản, giúp sinh viên rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Môn học này là nền tảng để học lên Tiếng Việt 3. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trắc nghiệm) |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các bước tiến hành và đánh giá một công trình khoa học giáo dục mầm non.. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ | Trang bị các kiến thức về khởi nghiệp cho từng nhóm đối tượng sinh viên trong thời gian học tập tại Trường. Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Nắm vững hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và luật sở hữu trí tuệ. Những kiến thức về cơ sở của bảo hộ trí tuệ, các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. | 1 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 | Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của trường mầm non; Cơ sở vật chất trường mầm non; Các hoạt động giáo dục và chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non; Tập xử lý các tình huống sư phạm. | 1 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thự hành) |
|  | Sinh lý trẻ em | Cung cấp những kiến thức khoa học cơ bản về cấu tạo và chức năng hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách khoa học, phù hợp thực tiễn. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | *Giáo dục thể chất 2 (1TC)* | Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp kiểm tra - tự kiểm tra y học TDTT, hiểu được phương pháp đề phòng và loại trừ chấn thương bằng phương tiện thể dục thể thao. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền đã được học trong học phần GDTC1, đồng thời trang bị thêm các kỹ thuật như: kỹ thuật đập bóng, kỹ thuật chắn bóng; Trang bị cho sinh viên một số chiến thuật thi đấu đơn giản. Hướng dẫn sinh viên nắm được phương pháp tổ chức thi đấu và điều hành các trận thi đấu bóng chuyền; Hướng dẫn sinh viên sử dụng các bài tập phát triển tố chất thể lực nhằm tác động và nâng cao thể chất người học. |  |  |  |
| **II. ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON – KHOÁ 64** | | | | | |  |
|  | Giáo dục học mầm non 1 | Cung cấp những kiến thức về lý luận chung của giáo dục học mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Giáo dục học mầm non 2 | Trang bị những kiến thức lý luận và kỹ năng về các hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo bao gồm: tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày; hoạt động vui chơi; quá trình, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy trẻ; tổ chức ngày hội, ngày lễ; nội dung chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trắc nghiệm) |
|  | Âm nhạc 2 | Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Kiến thức và kỹ năng hát và đàn |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các bước tiến hành và đánh giá một công trình khoa học giáo dục mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và Sở hữu trí tuệ | Trang bị các kiến thức về khởi nghiệp cho từng nhóm đối tượng sinh viên trong thời gian học tập tại Trường. Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Nắm vững hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và luật sở hữu trí tuệ. Những kiến thức về cơ sở của bảo hộ trí tuệ, các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. | 1 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Tiếng Anh 3 | Kết thúc học phần Tiếng Anh,  có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ  B1 với các chủ đề sau: ăn uống, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, phong cách sống, các hoạt động giải trí và phương tiện giao tiếp, thú cưng và thế giới tự nhiên.  Sinh viên có khả tự học, tự thực hành để đạt được năng lực giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trắc nghiệm) |
|  | *Giáo dục thể chất 3 (1TC)* | Trang bị cho người học về lịch sử phát sinh, phát triển môn Cầu lông và những điều luật cơ bản để sinh viên vận dụng vào trong quá trình tập luyện. Những kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông (cách cầm cầu; cầm vợt; các bước di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay; kỹ thuật đánh cầu cao tay; kỹ thuật phát cầu thuận tay; thi đấu đơn và đồng đội) và các bài tập bổ trợ, bài tập thể lực. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
| **Tự chọn 1: Chọn 5/7 tín chỉ** | | | | | |
|  | Văn học trẻ em | Gồm những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, các giai đoạn phát triển, những thành tựu điển hình của văn học trẻ em Việt Nam và nước ngoài. Từ đó, giúp sinh viên biết vận dụng lí thuyết trong việc phân tích, cảm thụ các tác phẩm văn học trẻ em. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về văn hóa và văn hóa Việt Nam; về bản sắc văn hóa Việt Nam qua một số lĩnh vực cơ bản: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Nghề giáo viên mầm non | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; Chức năng và các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Khóa khăn và tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non; Nhân cách và nghề nghiệp của giáo viên mầm non, định hướng phát triển và các yêu cầu chuẩn nghề nghiệp đối giáo viên mầm non. |  | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Giao tiếp sư phạm | Cung cấp những vấn đề chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm; nội dung, hình thức, nguyên tắc, phong cách và các kỹ năng cơ bản trong quá trình giao tiếp sư phạm mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp) |
|  | Làm đồ chơi cho trẻ | Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cơ bản về quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi cho trẻ mầm non, hình thành cho sinh viên những kĩ năng làm đồ chơi theo các chủ đề: làm Đồ chơi học tập, đồ chơi hình tượng. Thông qua học phần hình thành cho sinh viên thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn, có tính cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện sản phẩm. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Dinh dưỡng trẻ em | Giới thiệu các nội dung cơ bản về dinh dưỡng đại cương và dinh dưỡng trẻ em; Các vấn đề về khẩu phần và thực đơn; Vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ; Giáo dục vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ; Hướng dẫn nghiên cứu việc đánh giá, nhận xét về công tác chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Phát triển chương trình giáo dục mầm non | Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục. Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Nghệ thuật đọc kể diễn cảm tác phẩm văn học cho trẻ mầm non | Giới thiệu nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, đặc trưng hoạt động đọc kể diễn cảm ở trường mầm non, hướng dẫn sinh viên đọc kể diễn cảm theo phương pháp khoa học khả thi, hình thành kĩ năng đọc, kể sáng tạo cho người học. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2021). | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Trác nghiệm) |
|  | Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng Toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về định hướng quá trình cho trẻ làm quen với toán; hình thành biểu tượng số lượng, con số, phép đếm cho trẻ; hình thành biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng; định hướng trong không gian, định hướng thời gian cho trẻ | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | *Giáo dục thể chất 4 (1TC)* | Trang bị cho người học về vị trí, tính chất, tác dụng của môn Cầu lông và chiến thuật thi đấu cầu lông, các kỹ thuật đánh cầu đòi hỏi chính xác và độ khó cao hơn của môn Cầu lông, đó là đập cầu, bỏ nhỏ, phát cầu trái tay. Đồng thời tiến hành thi đấu ở các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp và một số bài tập phát triển các tố chất thể lực. |  | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
| **I. ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON – KHÓA 63** | | | | | |  | |
|  | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 | Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của trường mầm non, tiếp cận với chương trình giáo dục mầm non; Xử lý các tình huống sư phạm; Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non | 1 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu). Trên cơ sở nắm vững những đặc điểm phát triển của trẻ có liên quan đến sự phát triển lời nói, sinh viên được cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc, chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh | Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học; những vấn đề lý luận chung của môn học (vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em, bản chất và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em). Từ đó, xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức và các phương tiện cho trẻ làm quen môi trường xung quanh cũng như lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả tổ chức quá trình này cho trẻ Mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non | Cung cấp cho sinh những vấn đề tâm sinh lý về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp hướng dẫn HĐTH cho trẻ mầm non; Lý luận và phương pháp hướng dẫn HĐTH cho trẻ, hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non theo các độ tuổi; Cách tiến hành tổ chức cho trẻ làm quen với sản phẩm nghệ thuật tạo hình, hướng dẫn thực hành tập giảng về hướng dẫn HĐTH cho trẻ các độ tuổi ở trường mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Phương pháp chăm sóc và vệ sinh trẻ em | Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vi sinh vật, ký sinh trùng, dịch tễ học, vệ sinh cơ thể trẻ, vệ sinh môi trường; cơ sở lý luận về nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục vệ sinh và chăm sóc trẻ một cách khoa học và phù hợp thực tiễn địa phương; Biết cách tổ chức đánh giá công tác vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ | Cung cấp kiến thức cơ bản về hành vi, hành vi văn hoá; quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa, nội dung, nguyên tắc và phương pháp giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ dưới 6 tuổi. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp) |
|  | Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa; Một số động tác múa cơ bản; Cơ sở lý luận của phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo nhịp điệu âm nhạc; Phương pháp biên đạo múa. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Giáo dục gia đình | Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về gia đình; Nội dung và phương pháp giáo dục con trong gia đình. Đồng thời học phần làm rõ tính tất yếu của sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đối với sự phát triển nhân cách thế hệ trẻ trong gia đình. Các vấn đề của xã hội đương đại. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp) |
|  | Chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho trẻ dưới 6 tuổi theo khoa học; Rèn kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại các cơ sở trường Mầm non; Biết cách đánh giá công tác hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng, chế biến thực phẩm vào bữa ăn của trẻ; Phát hiện và chăm sóc cho trẻ khi ốm; Công tác tuyên truyền kiến thức chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo khoa học trong cộng đồng. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 | Thiết kế và tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non; Soạn giáo án và tập giảng các môn phương pháp đã được học trong chương trình đào tạo. | 1 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học | Giới thiệu những kiến thức cơ bản của khoa học Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen văn học: khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; đặc điểm cảm thụ văn học ở trẻ, chương trình hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học, các phương pháp chủ yếu và hình thức cho trẻ làm quen văn học, tổ chức các hoạt động làm quen văn học phù hợp với trẻ, rèn nhiều kĩ năng dạy học. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Kiến tập sư phạm | Sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non trong 4 tuần. Sinh viên tiến hành một số hoạt động của giáo viên mầm non tại lớp ở trường mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC+BC+ Phỏng vấn |
|  | Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về giáo dục âm nhạc trong trường Mầm non, các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc, phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường Mầm non, phương pháp thiết kế bài soạn, tập dạy theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thể hiện âm nhạc. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non | Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, các bước tiến hành và đánh giá một công trình khoa học giáo dục mầm non. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ | Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về bệnh học trẻ em; các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, các bệnh thường gặp ở trẻ em; cách sơ cứu ban đầu một số bệnh và tai nạn thường gặp, quản lý tủ thuốc ở trường mầm non; giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non | Cung cấp Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dưng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục; Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.  Thực hành cách thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Thể dục nhịp điệu dành cho trẻ mầm non | Cung cấp cho học viên những vấn đề cơ bản về vị trí, nhiệm vụ của thể dục nhịp điệu; nguyên tắc biên soạn và phương pháp giảng dạy thể dục nhịp điệu; các động tác cơ bản và bài liên hoàn thể dục nhịp điệu kết hợp với nhạc đệm. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Vấn đáp/Thực hành) |
|  | Quản lý giáo dục mầm non | Gồm các vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, quản lý giáo dục: khái niệm, chức năng, các nguyên tắc, các phương pháp và quá trình quản lý giáo dục; Các văn bản về quản lý giáo dục và giáo dục mầm non; Quản lý giáo dục mầm non: mục tiêu, nhiệm vụ, các yêu cầu đối với quản lý giáo dục mầm non; Nội dung, các biện pháp quản lý nhóm/ lớp, xây dựng kế hoạch về công tác quản lý nhóm/lớp ở trường mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết/Vấn đáp) |
|  | **ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON – KHÓA 62** | |  |  |  |
|  | Chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho trẻ dưới 6 tuổi theo khoa học; Rèn kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại các cơ sở trường Mầm non; Biết cách đánh giá công tác hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng, chế biến thực phẩm vào bữa ăn của trẻ; Phát hiện và chăm sóc cho trẻ khi ốm; Công tác tuyên truyền kiến thức chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo khoa học trong cộng đồng. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Thực tế chuyên môn | Căn cứ nội dung chương trình các môn học thuộc kiến thức ngành để tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tế một số cơ sở giáo dục mầm non. | 1 | Học kì 1 | TĐCC + Báo cáo + Phỏng vấn |
|  | Giao tiếp sư phạm | Cung cấp những vấn đề chung về giao tiếp và giao tiếp sư phạm; nội dung, hình thức, nguyên tắc, phong cách và các kỹ năng cơ bản trong quá trình giao tiếp sư phạm. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành, Tiểu luận) |
|  | LL và PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non | Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:  - Những vấn đề tâm sinh lý về sự hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp hướng dẫn HĐTH cho trẻ mầm non.  - Lý luận và phương pháp hướng dẫn HĐTH cho trẻ, hình thức tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.  - Cách tiến hành tổ chức cho trẻ làm quen với sản phẩm nghệ thuật tạo hình, hướng dẫn thực hành tập giảng về hướng dẫn HĐTH cho trẻ các độ tuổi ở trường mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc | Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về giáo dục âm nhạc trong trường Mầm non, các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc, phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường Mầm non, phương pháp thiết kế bài soạn, tập dạy theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thể hiện âm nhạc. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Giáo dục gia đình | Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về gia đình; Nội dung và phương pháp giáo dục con trong gia đình. Đồng thời học phần làm rõ tính tất yếu của sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đối với sự phát triển nhân cách thế hệ trẻ trong gia đình. Các vấn đề của xã hội đương đại. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành, Tiểu luận) |
|  | Rèn luyện NVSPTH 3 | Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non; Xây dựng kế hoạch và tổ chức các ngày Lễ hội cho trẻ: Ngày hội đến trường, Tết trung thu, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô (8/3), Lễ ra trường của bé… | 1 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục trong trường Mầm non | Cung cấp Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dưng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục; Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục. Thực hành cách thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Nghệ thuật chuyển thể TPVH sang kịch bản và tổ chức cho trẻ đóng kịch | Cung cấp những hiểu biết về kịch bản dành cho trẻ em, nghệ thuật chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản và cách thức tổ chức, hướng dẫn trẻ đóng kịch, rèn các năng lực tổ chức hoạt động đóng kịch ở trường mâm non. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ | Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em: Khái niệm hoạt động vui chơi, các loại trò chơi trẻ em, ý nghĩa của hoạt động vui chơi, sự hình thành và phát triển các loại trong độ tuổi, vị trí của hoạt động vui chơi trong chương trình giáo dục Mầm non, vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ. Cung cấp những lý luận chung về các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non | Cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm bệnh học trẻ em, nhận biết về các rối loạn tâm lí ở trẻ em lứa tuổi mầm non và cách ứng xử thích hợp để phòng ngừa, chữa trị. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Thực tập sự phạm | Sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc giáo dục trẻ ở trường Mầm non trong 8 tuần. Sinh viên tiến hành các hoạt động tại lớp ở trường Mầm non | 6 | Học kì 2 | TTGD + TTCS |
| **V** | **CAO ĐẲNG GIÁO DỤC MẦM NON K63** | | | | |
|  | Lý luận và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu). Trên cơ sở nắm vững những đặc điểm phát triển của trẻ có liên quan đến sự phát triển lời nói, sinh viên được cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc, chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học | Giới thiệu những kiến thức cơ bản của khoa học Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen văn học: khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; đặc điểm cảm thụ văn học ở trẻ, chương trình hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học, các phương pháp chủ yếu và hình thức cho trẻ làm quen văn học, tổ chức các hoạt động làm quen văn học phù hợp với trẻ, rèn nhiều kĩ năng dạy học. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về định hướng quá trình cho trẻ làm quen với toán; hình thành biểu tượng số lượng, con số, phép đếm cho trẻ; hình thành biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng; định hướng trong không gian, định hướng thời gian cho trẻ | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh | Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học; những vấn đề lý luận chung của môn học (vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em, bản chất và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em). Từ đó, xác định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp tổ chức và các phương tiện cho trẻ làm quen môi trường xung quanh cũng như lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả tổ chức quá trình này cho trẻ Mầm non. | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non | Trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về lý luận giáo dục thể chất; nội dung hình thức, các nguyên tắc và phương pháp giáo và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non | 3 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 | Thiết kế và tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non; Soạn giáo án và tập giảng các môn phương pháp đã được học trong chương trình đào tạo. | 1 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Phát triển chương trình giáo dục mầm non | Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục. Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. | 2 | Học kì 1 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Rèn luyên nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3 | Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non; Xây dựng kế hoạch và tổ chức các ngày Lễ hội cho trẻ: Ngày hội đến trường, Tết trung thu, ngày hội của các bà, các mẹ, các cô (8/3), Tết thiếu nhi (1/6), Lễ ra trường của bé… | 1 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Thực hành) |
|  | Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, Luật viên chức, Luât giáo dục, Điều lệ và một số quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục mầm non. Trên cơ sở đó hướng dẫn sinh viên vận dụng tri thức, kỹ năng, thái độ để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của một viên chức ngành giáo dục và đào tạo. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận) |
|  | Phương pháp chăm sóc và vệ sinh trẻ em | Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vi sinh vật, ký sinh trùng, dịch tễ học, vệ sinh cơ thể trẻ, vệ sinh môi trường; cơ sở lý luận về nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục vệ sinh và chăm sóc trẻ một cách khoa học và phù hợp thực tiễn địa phương; Biết cách tổ chức đánh giá công tác vệ sinh cho trẻ ở trường mầm non. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Thực tập sư phạm | Sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non trong 8 tuần. Sinh viên tiến hành các hoạt động tại lớp ở trường mầm non. | 4 | Học kì 2 | TTCS+TTGD |
|  | Nghệ thuật chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản và tổ chức cho trẻ đóng kịch | Cung cấp những hiểu biết về kịch bản dành cho trẻ em, nghệ thuật chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản và cách thức tổ chức, hướng dẫn trẻ đóng kịch, rèn các năng lực tổ chức hoạt động đóng kịch ở trường mầm non. | 3 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
|  | Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ | Học phần trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, quy trình, môi trường hoạt động, hình thức hoạt động và vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với trẻ mầm non; Mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non; Vận dụng những học vấn cơ bản về hoạt động trải nghiệm và mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm để tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường mầm non theo hướng trải nghiệm. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |
| 80 | Thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non | Cung cấp Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dưng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục; Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục. Thực hành cách thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động. | 2 | Học kì 2 | TĐCC + KT thường xuyên + Thi kết thúc học phần  (Viết, Vấn đáp, Tiểu luận, Thực hành) |

Quảng Bình, ngày 10 tháng 09 năm 2023

**TRƯỞNG KHOA P/T BỘ MÔN**